

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 49/2014/QĐ-UBND

Tuy Hòa, ngày 17 tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành quy định về quy trình xử lý và
giải quyết tố cáo trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Tố cáo ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Tiếp công dân năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tố cáo;

Căn cứ Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiếp công dân;

Căn cứ Thông tư 06/2013/TT-TTCP ngày 30/9/2013 của Thanh tra Chính Phủ quy định quy trình giải quyết tố cáo;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra tỉnh tại Văn bản số 609/TTr-NV4 ngày 25/11/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quy trình xử lý tố cáo và giải quyết tố cáo trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ký và thay thế Quyết định số 928/2009/QĐ-UBND ngày 27/5/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Chánh Thanh tra tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Đình Cự

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về quy trình xử lý và giải quyết tố cáo trên địa bàn tỉnh Phú Yên
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 49/2014/QĐ-UBND ngày 17/12/2014
của UBND tỉnh Phú Yên)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về quy trình xử lý tố cáo, giải quyết tố cáo, giải quyết lại tố cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức, người được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ mà không phải là cán bộ, công, chức, viên chức; hành vi vi phạm của cơ quan hành chính Nhà nước, đơn vị sự nghiệp trong hoạt động quản lý nhà nước và giải quyết tố cáo tiếp.

Những nội dung không quy định tại Quy định này thì áp dụng theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thực hiện theo Điều 2 Nghị Định 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật Tố cáo.

Điều 3. Nguyên tắc giải quyết tố cáo

1. Phải bảo đảm kịp thời, chính xác, khách quan, công bằng, dân chủ, đúng nội dung, đối tượng, đúng pháp luật.

2. Việc giải quyết tố cáo, phản ánh, kiến nghị có nội dung tố cáo phải được xem xét giải quyết đúng theo các quy định luật Tố cáo và các văn bản pháp luật khác liên quan; bảo đảm an toàn cho người tố cáo; bảo vệ lợi ích của Nhà nước, tập thể, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

3. Thực hiện công tác phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức cá nhân có liên quan để việc giải quyết tố cáo có hiệu quả.

Điều 4. Áp dụng pháp luật

1. Việc giải quyết tố cáo thông qua hoạt động của Đoàn thanh tra được thực hiện theo quy định pháp luật về thanh tra và các quy định tại Quy định này.

2. Việc giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong các lĩnh vực được áp dụng thực hiện theo quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan.

Chương II **XỬ LÝ TỔ CÁO**

Điều 5. Hình thức tố cáo

Việc tố cáo được thực hiện bằng đơn tố cáo hoặc tố cáo trực tiếp thông qua công tác tiếp công dân.

Việc tiếp nhận, xử lý đơn tố cáo được thực hiện theo quy định tại Điều 20 Luật Tố cáo và các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 6. Tiếp nhận đơn tố cáo

Việc tiếp nhận và phân loại đơn tố cáo được thực hiện theo quy định tại Điều 4 và Điều 5 Thông tư số 04/2010/TT-TTCP ngày 26 tháng 8 năm 2010 của Thanh tra Chính phủ.

Điều 7. Đối với đơn tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết

Đơn tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết và không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 20 Luật Tố cáo thì xem xét quyết định việc thụ lý giải quyết theo quy định tại Chương IV Quy định này và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 8. Đối với đơn tố cáo không thuộc thẩm quyền

1. Đơn tố cáo không thuộc thẩm quyền giải quyết thì chuyển đơn và các tài liệu kèm theo (nếu có) đến cơ quan, đơn vị, người có thẩm quyền để được giải quyết theo quy định của pháp luật.

2. Đơn tố cáo không thuộc thẩm quyền giải quyết nhưng thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp dưới trực tiếp, đã quá thời hạn theo quy định của luật Tố cáo mà chưa được giải quyết thì ban hành văn bản yêu cầu cấp dưới giải quyết.

Điều 9. Đơn tố cáo hành vi gây thiệt hại, đang gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại nghiêm trọng đến lợi ích Nhà nước, cơ quan, tổ chức, cá nhân

Đơn tố cáo hành vi gây thiệt hại, đang gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại nghiêm trọng đến lợi ích Nhà nước, cơ quan, tổ chức, tính mạng, tài sản của cá nhân thì áp dụng biện pháp ngăn chặn theo quy định của pháp luật hoặc thông báo cho cơ quan, người có thẩm quyền kịp thời ngăn chặn, hạn chế, khắc phục hậu quả.

Điều 10. Đơn có nhiều nội dung khác nhau

Đối với đơn tố cáo có nhiều nội dung khác nhau thì tách riêng từng nội dung trong đơn để xử lý. Việc xử lý từng nội dung tố cáo thực hiện theo quy định tại Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17 và Điều 18 Quy định này.

Điều 11. Xử lý tố cáo trong trường hợp người tố cáo rút tố cáo

Xử lý tố cáo trong trường hợp người tố cáo có đơn xin rút tố cáo thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư 06/2013/TT-TTCP ngày 30/9/2013 của Thanh tra Chính phủ.

Điều 12. Trình tự, thủ tục giải quyết tố cáo có nội dung rõ ràng, chứng cứ cụ thể, có cơ sở để xử lý ngay

1. Đối với hành vi vi phạm pháp luật về quản lý nhà nước trong các lĩnh vực có nội dung rõ ràng, chứng cứ cụ thể, có cơ sở để xử lý ngay thì được thực hiện như sau:

a) Người có thẩm quyền giải quyết tố cáo tiếp nhận, xử lý thông tin tố cáo;

b) Đối với hành vi vi phạm thuộc lĩnh vực mình quản lý, người tiếp nhận thông tin tố cáo phải tiến hành hoặc báo cáo người có thẩm quyền giải quyết tố cáo tiến hành xác minh nội dung tố cáo, áp dụng các biện pháp ngăn chặn, đình chỉ hành vi vi phạm và lập biên bản về hành vi vi phạm pháp luật đó;

c) Người có thẩm quyền giải quyết tố cáo ban hành quyết định xử lý hành vi vi phạm theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định pháp luật.

2. Hồ sơ vụ việc tố cáo được quản lý, theo dõi cùng hồ sơ xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Chương III
THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT TỐ CÁO,
TRÁCH NHIỆM XÁC MINH TỐ CÁO

Điều 13. Thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức người được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ mà không phải là cán bộ, công, chức, viên chức; hành vi vi phạm của cơ quan hành chính Nhà nước, đơn vị sự nghiệp trong hoạt động quản lý nhà nước.

Thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức, người được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ mà không phải là cán bộ, công, chức, viên chức; hành vi vi phạm của cơ quan hành chính Nhà nước, đơn vị sự nghiệp trong hoạt động quản lý nhà nước thực hiện theo quy định Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17 Luật Tố cáo.

Điều 14. Thẩm quyền giải quyết tố cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật về quản lý Nhà nước trong các lĩnh vực

Thẩm quyền giải quyết tố cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật về quản lý Nhà nước trong các lĩnh vực thực hiện theo quy định tại Điều 31 Luật Tố cáo.

Chương IV

THỤ LÝ, CHUẨN BỊ XÁC MINH NỘI DUNG TỔ CÁO**Điều 15. Tiếp nhận tố cáo, kiểm tra điều kiện thụ lý tố cáo**

1. Sau khi tiếp nhận tố cáo, thì trong thời hạn 10 ngày, người tiếp nhận tố cáo phải kiểm tra, xác minh về họ tên, địa chỉ, nội dung đơn của người tố cáo và thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư 06/2013/TT-TTCP ngày 30/9/2013 của Thanh tra Chính phủ.

Điều 16. Tiếp nhận, xử lý tố cáo tiếp và giải quyết lại tố cáo

Việc tiếp nhận, xử lý tố cáo tiếp và giải quyết lại tố cáo thực hiện theo Điều 16 Thông tư số 06/2013/TT-TTCP ngày 30/9/2013 của Thanh tra Chính phủ.

Điều 17. Ban hành quyết định thụ lý giải quyết tố cáo

1. Người có thẩm quyền giải quyết tố cáo phải ban hành quyết định thụ lý giải quyết tố cáo (gọi chung là quyết định thụ lý) theo Điều 9 Thông tư 06/2013/TT-TTCP ngày 30/9/2013 của Thanh tra Chính phủ.

2. Người được giao xác minh nội dung tố cáo có trách nhiệm ban hành quyết định thành lập Tổ xác minh tố cáo trong thời gian 05 ngày (gọi chung là người được giao xác minh) kể từ ngày nhận văn bản thụ lý giải quyết tố cáo của người có thẩm quyền giải quyết tố cáo.

Điều 18. Thông báo việc thụ lý tố cáo

Thực hiện theo Điều 10 Thông tư số 06/2013/TT-TTCP ngày 30/9/2013 của Thanh tra Chính phủ.

Điều 19. Kế hoạch xác minh tố cáo

Kế hoạch xác minh thực hiện theo Điều 11 Thông tư số 06/2013/TT-TTCP ngày 30/9/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết tố cáo.

Chương V**TIẾN HÀNH XÁC MINH NỘI DUNG TỔ CÁO****Điều 20. Công bố quyết định thành lập Tổ xác minh**

1. Trường hợp người bị tố cáo là cá nhân thì Tổ trưởng Tổ xác minh gửi quyết định thành lập Tổ xác minh, trường hợp cần thiết thì tổ chức việc công bố quyết định thành lập Tổ xác minh.

2. Trường hợp người bị tố cáo là cơ quan, tổ chức thì Tổ trưởng Tổ xác minh có trách nhiệm tổ chức công bố quyết định thành lập Tổ xác minh, người đứng đầu cơ quan, tổ chức đó hoặc người đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức đó là người tham dự buổi công bố.

3. Việc công bố quyết định thành lập Tổ xác minh cho người bị tố cáo phải giữ bí mật thông tin về người tố cáo và được thực hiện trong thời hạn không quá 05

ngày, kể từ ngày ban hành quyết định thành lập Tổ xác minh. Nội dung buổi công bố được lập thành biên bản, có chữ ký của những người tham dự công bố, mỗi bên một bản và lưu hồ sơ giải quyết tố cáo.

Điều 21. Làm việc trực tiếp với người tố cáo

1. Tổ xác minh có trách nhiệm chuẩn bị nội dung làm việc với người tố cáo nhằm xác định cụ thể nội dung tố cáo và yêu cầu người tố cáo cung cấp các thông tin, tài liệu, bằng chứng liên quan đến nội dung tố cáo.

2. Nội dung làm việc được lập thành biên bản có chữ ký của các bên và giao mỗi bên một bản nếu người tố cáo có yêu cầu. Trường hợp người tố cáo không ký tên hoặc không điểm chỉ vào biên bản thì phải ghi rõ lý do, trường hợp không ghi lý do thì những người được phân công làm việc với người tố cáo phải ký tên và ghi rõ lý do người tố cáo không ký tên hoặc điểm chỉ vào biên bản làm việc.

3. Trường hợp có lý do chính đáng không thể làm việc trực tiếp với người tố cáo hoặc theo yêu cầu của người tố cáo hoặc để bảo vệ người tố cáo, người được giao xác minh có văn bản yêu cầu người tố cáo cung cấp thông tin, tài liệu, bằng chứng để làm rõ nội dung tố cáo.

Điều 22. Làm việc trực tiếp với người bị tố cáo

1. Người được giao xác minh chuẩn bị đề cương nội dung cụ thể để yêu cầu người bị tố cáo giải trình và cung cấp thông tin, tài liệu, bằng chứng liên quan đến nội dung giải trình.

2. Việc giải trình của người bị tố cáo được thực hiện bằng văn bản. Trong trường hợp giải trình của người bị tố cáo cung cấp chưa rõ, chưa đầy đủ thông tin, tài liệu, bằng chứng thì người được giao xác minh yêu cầu người bị tố cáo tiếp tục giải trình có quy định thời gian để cung cấp bổ sung thông tin, tài liệu, bằng chứng về các nội dung chưa rõ.

3. Sau khi nhận văn bản giải trình của người bị tố cáo, người được giao xác minh giao Tổ Xác minh nghiên cứu nội dung giải trình để chuẩn bị làm việc với người bị tố cáo và được lập thành biên bản có chữ ký của các bên và giao mỗi bên một bản. Trường hợp người bị tố cáo không ký biên bản thì phải ghi rõ lý do, trường hợp không ghi rõ lý do thì những người được phân công làm việc với người bị tố cáo phải ký tên và ghi rõ lý do người bị tố cáo không ký tên vào biên bản làm việc.

4. Thời gian người bị tố cáo gửi văn bản giải trình được thực hiện trong vòng 07 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu của người được giao xác minh.

5. Trường hợp người bị tố cáo không thực hiện yêu cầu giải trình thì người được giao xác minh báo cáo bằng văn bản để người có thẩm quyền giải quyết tố cáo xử lý theo quy định.

Điều 23. Xác minh thực tế

1. Nội dung xác minh thực tế thực hiện theo Điều 17 Thông tư số 06/2013/TT-TTCP ngày 30/9/2013 của Thanh tra Chính phủ.

2. Trong quá trình xác minh có phát sinh nội dung khác ngoài nội dung của kế hoạch xác minh thì Tổ trưởng Tổ xác minh báo cáo bằng văn bản cho người được giao xác minh để có ý kiến chỉ đạo bổ sung kế hoạch xác minh hoặc dừng việc xác minh đối với nội dung phát sinh đó trong quá trình xác minh.

Điều 24. Yêu cầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan cung cấp thông tin, tài liệu, bằng chứng liên quan đến nội dung tố cáo

1. Người được giao xác minh có văn bản yêu cầu và quy định thời hạn cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung tố cáo.

2. Trường hợp đã có văn bản đơn đốc mà cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan vẫn không cung cấp thông tin, tài liệu thì có văn bản báo cáo người có thẩm quyền giải quyết tố cáo biết để xử lý theo quy định pháp luật.

3. Trường hợp cần thiết, Tổ xác minh làm việc trực tiếp với cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan. Nội dung các buổi làm việc được lập thành biên bản, có chữ ký của các bên và mỗi bên giữ một bản. Trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan không ký biên bản thì phải ghi rõ lý do.

Điều 25. Trưng cầu giám định

1. Trong trường hợp cần thiết, để kết luận tính hợp pháp, tính chính xác của những tài liệu, bằng chứng do người tố cáo, người bị tố cáo, cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan cung cấp thì Tổ trưởng Tổ xác minh đề xuất với người được giao xác minh có văn bản trưng cầu cơ quan có thẩm quyền giám định về những nội dung nêu trên theo quy định của pháp luật.

2. Kinh phí trưng cầu giám định do người yêu cầu giám định chi trả từ nguồn kinh phí của cơ quan, tổ chức đó. Trường hợp giám định theo yêu cầu của người tố cáo, người bị tố cáo thì kinh phí giám định do người tố cáo, người bị tố cáo chi trả.

Điều 26. Tài liệu, hồ sơ thu thập trong quá trình xác minh

1. Việc thu thập tài liệu, thông tin bằng chứng phải theo nội dung tố cáo và kế hoạch xác minh tố cáo.

2. Trường hợp không nhận bản chính thì khi nhận bản sao phải đối chiếu với bản chính. Trường hợp không có bản chính đối chiếu phải ghi rõ lý do trong giấy nhận tài liệu. Tài liệu do cơ quan, đơn vị, tổ chức cá nhân cung cấp phải có chữ ký xác nhận của người cung cấp vào tài liệu đó.

3. Khi tiếp nhận thông tin, hồ sơ, tài liệu, Tổ xác minh phải lập Giấy biên nhận theo quy định.

Điều 27. Gia hạn việc xác minh tố cáo

1. Trong quá trình tiến hành xác minh nội dung tố cáo, xét thấy có tình tiết phát sinh, cần thêm thời gian xác minh thì Tổ xác minh có văn bản báo cáo, kiến nghị người được giao xác minh gia hạn thời gian xác minh tố cáo nhưng không quá thời hạn giải quyết tố cáo theo Điều 21 luật Tố cáo.

2. Người được giao xác minh có trách nhiệm xem xét, căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 21 của luật Tố cáo để ban hành Quyết định gia hạn thời gian xác minh tố cáo trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị.

Điều 28. Báo cáo kết quả xác minh nội dung tố cáo

1. Báo cáo kết quả xác minh nội dung tố cáo thực hiện theo Điều 20 Thông tư số 06/2013/TT-TTCP ngày 30/9/2013 của Thanh tra Chính phủ.

2. Tổ xác minh báo cáo kết quả xác minh sau khi có ý kiến giải trình của người bị tố cáo (nếu có) cho người được giao xác minh xem xét.

3. Căn cứ báo cáo kết quả xác minh nội dung tố cáo, văn bản giải trình của người bị tố cáo, trong thời gian không quá 03 ngày kể từ ngày nhận người được giao xác minh tố cáo hoàn chỉnh báo cáo kết quả xác minh nội dung tố cáo trình người có thẩm quyền giải quyết tố cáo để kết luận xử lý.

Chương VI

KẾT LUẬN NỘI DUNG TỐ CÁO, XỬ LÝ TỐ CÁO VÀ CÔNG KHAI KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT TỐ CÁO

Điều 29. Kết luận nội dung tố cáo

Căn cứ nội dung tố cáo, báo cáo kết quả xác minh tố cáo, văn bản giải trình của người bị tố cáo, các tài liệu bằng chứng có liên quan, đối chiếu với các quy định của pháp luật, người có thẩm quyền giải quyết tố cáo ban hành kết luận nội dung tố cáo theo Điều 23 Thông tư số 06/2013/TT-TTCP ngày 30/9/2013 của Thanh tra Chính phủ.

Điều 30. Xử lý kết luận tố cáo

1. Sau khi có kết luận về nội dung tố cáo, người có thẩm quyền giải quyết tố cáo căn cứ kết luận nội dung tố cáo để xử lý tố cáo theo Điều 24 Thông tư số 06/2013/TT-TTCP ngày 30/9/2013 của Thanh tra Chính phủ.

2. Trường hợp kết luận người bị tố cáo không vi phạm các quy định trong thi hành nhiệm vụ, công vụ thì phải thông báo bằng văn bản cho người bị tố cáo, cơ quan, tổ chức quản lý người bị tố cáo biết, khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp của người bị tố cáo do việc tố cáo không đúng (nếu có), đồng thời xử lý theo thẩm

quyền hoặc chỉ đạo, kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý người tố cáo sai sự thật theo quy định pháp luật.

Điều 31. Công khai kết luận và kết quả giải quyết tố cáo

1. Việc công khai kết luận nội dung tố cáo, quyết định, xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo và thông báo kết quả giải quyết tố cáo cho người tố cáo được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Tố cáo và Điều 11 Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ và Điều 25 Thông tư 06/2013/TT-TTCP ngày 30/9/2013 của Thanh tra Chính phủ.

2. Trường hợp người tố cáo không yêu cầu thông báo kết quả giải quyết tố cáo nhưng qua xác minh đã kết luận toàn bộ hoặc một số nội dung tố cáo là sai sự thật thì người giải quyết tố cáo vẫn phải thông báo bằng văn bản cho người tố cáo biết về những nội dung đã tố cáo sai sự thật và văn bản xử lý người tố cáo theo thẩm quyền.

Điều 32. Gửi thông báo thụ lý giải quyết tố cáo, quyết định đình chỉ việc giải quyết tố cáo và kết luận xử lý tố cáo cho cơ quan Thanh tra nhà nước cùng cấp

Việc gửi thông báo thụ lý giải quyết tố cáo, quyết định thành lập Tổ xác minh, quyết định đình chỉ việc giải quyết tố cáo và kết luận xử lý tố cáo cho cơ quan thanh tra nhà nước cùng cấp thực hiện như sau:

1. Thông báo thụ lý giải quyết tố cáo, quyết định thành lập Tổ xác minh, quyết định đình chỉ việc giải quyết tố cáo và kết luận xử lý tố cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được gửi cho Thanh tra tỉnh;

2. Thông báo thụ lý giải quyết tố cáo, quyết định thành lập Tổ xác minh, quyết định đình chỉ việc giải quyết tố cáo và kết luận xử lý tố cáo của Giám đốc sở, thủ trưởng ban, ngành tỉnh, thủ trưởng cơ quan thuộc sở được gửi cho Thanh tra sở;

3. Thông báo thụ lý giải quyết tố cáo, quyết định thành lập Tổ xác minh, quyết định đình chỉ việc giải quyết tố cáo và kết luận xử lý tố cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, thủ trưởng cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã được gửi cho Thanh tra huyện.

Điều 33. Lập, quản lý hồ sơ giải quyết tố cáo

Việc lập, quản lý hồ sơ trong giải quyết tố cáo thực hiện theo Điều 26 Thông tư số 06/2013/TT-TTCP ngày 30/9/2013 của Thanh tra Chính phủ.

Điều 34 Theo dõi việc xử lý đơn tố cáo và giải quyết tố cáo

1. Việc xử lý đơn tố cáo và giải quyết tố cáo phải được ghi chép, cập nhật vào Sổ theo dõi xử lý đơn khiếu nại, tố cáo và Sổ theo dõi giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền.

2. Đối với các cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ xác minh nội dung tố cáo hoặc có cán bộ, công chức, viên chức đơn vị mình làm Tổ trưởng Tổ xác minh thì ghi chép, cập nhật việc xác minh, giải quyết tố cáo vào Sổ theo dõi giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo của đơn vị mình do cơ quan cấp trên giao.

Điều 35. Hình thức mẫu văn bản dùng trong việc xử lý tố cáo và giải quyết tố cáo

Mẫu văn bản dùng trong việc xử lý tố cáo và giải quyết tố cáo được thực hiện theo các mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 04/2010/TT-TTCP ngày 26/8/2010 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn phản ánh, kiến nghị liên quan đến khiếu nại, tố cáo và Thông tư số 06/2013/TT-TTCP ngày 30/9/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết tố cáo.

Điều 36. Việc ghi tên người tố cáo trong các văn bản xác minh và giải quyết tố cáo

Người có thẩm quyền giải quyết tố cáo, người được giao xác minh, tổ xác minh có trách nhiệm tuyệt đối không được ghi họ tên, địa chỉ và các thông tin khác liên quan đến người tố cáo mà có khả năng làm lộ bí mật của người tố cáo trong các văn bản, biên bản xác minh, giải quyết tố cáo trừ trường hợp khi làm việc trực tiếp với người tố cáo hoặc tổ chức đối chất với người bị tố cáo theo yêu cầu của người tố cáo.

Chương VII **KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT, TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 37. Khen thưởng và kỷ luật

1. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc xử lý tố cáo và giải quyết tố cáo thì được khen thưởng theo Điều 45 của luật Tố cáo.

2. Người tố cáo, người bị tố cáo, người có thẩm quyền giải quyết tố cáo, người được giao xác minh nội dung tố cáo, tổ xác minh, người có trách nhiệm chấp hành kết luận xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo và những người khác có liên quan có hành vi vi phạm các quy định của pháp luật trong việc tố cáo, giải quyết tố cáo thì bị xử lý theo Điều 46, 47, 48 của luật Tố cáo.

Điều 38. Tổ chức thực hiện

Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, thủ trưởng ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức quán triệt, triển khai, đôn đốc, nghiêm túc thực hiện Quy định này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc có những phát sinh mới thì thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh về Thanh tra tỉnh để tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để kịp thời sửa đổi, bổ sung./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Đình Cự